BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **BỘ TƯ PHÁP**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

TRẦN NGỌC HIỆP

HỢP ĐỒNG THEO MẪU THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT DÂN SỰ VIỆT NAM

Chuyên ngành: Luật dân sự và tố tụng dân sự

Mã số: 9380103

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SỸ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2023

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Quyền tham gia giao kết và thực hiện hợp đồng nói chung là một trong những quyền năng quan trọng của các chủ thể, được luật ghi nhận và bảo đảm thực hiện. Việc thực hiện quyền năng này là một trong những phương thức quan trọng bậc nhất để một chủ thể xác lập quan hệ với chủ thể khác, nhằm đáp ứng các nhu cầu thiết yếu đến nâng cao cũng như đảm bảo hoạt động sản xuất, kinh doanh có hiệu quả. Tuy nhiên, quá trình giao kết hợp đồng thường là một quá trình phức tạp, và trong nhiều trường hợp, để có thể đạt được sự thống nhất về ý chí, nhằm đi đến ký kết hợp đồng, các bên phải bỏ ra rất nhiều chi phí không cần thiết. Điều này không chỉ gây ảnh hưởng đến quá trình giao kết hợp đồng của các bên mà trong nhiều trường hợp nó còn gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của các chủ thể. Từ những sự bất cập của thực tiễn giao kết và thực hiện hợp đồng đòi hỏi phải có một phương thức giao kết hợp đồng phù hợp áp dụng trong một số lĩnh vực cụ thể, vừa bảo đảm thuận lợi cho việc giao kết, vừa bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc mà luật đã đặt ra. Trước đòi hỏi này, nhà làm luật đã xây dựng quy định về hợp đồng theo mẫu.

Việc cho phép các bên chủ thể giao kết và thực hiện hợp đồng theo mẫu không chỉ giúp các bên giảm bớt được các chi phí không đáng có trong quá trình giao kết hợp đồng, mà còn bảo đảm sự thống nhất trong việc giao kết và thực hiện hợp đồng giữa một chủ thể với nhiều chủ thể khác nhau. Nhìn rộng hơn thì nó giúp cho quá trình sản xuất, kinh doanh diễn ra thuận lợi, góp phần tăng năng suất lao động và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Trên thực tiễn, không thể phủ nhận những giá trị mà việc giao kết, thực hiện hợp đồng theo mẫu mang lại cho các bên chủ thể cũng như cho nền kinh tế. Song, thông qua nghiên cứu thực tiễn thực hiện pháp luật cũng cho thấy quá trình công khai, giao kết và thực hiện hợp đồng theo mẫu trên thực tế vẫn bộc lộ nhiều vấn đề bất cập, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên giao kết hợp đồng.

Cho đến thời điểm hiện nay, đã có nhiều công trình khoa học nghiên cứu ở các góc độ khác nhau liên quan đến hợp đồng theo mẫu. Tuy nhiên, các công trình này mới chỉ tiếp cận ở góc độ hẹp về hợp đồng theo mẫu mà chưa có công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện các quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng. Điều này cho thấy việc tiếp tục nghiên cứu thực trạng pháp luật, thực tiễn thực hiện pháp luật một cách toàn diện nhằm đưa ra giải pháp hoàn thiện một cách hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp đồng theo mẫu là đòi hỏi bức

thiết. Từ những lập luận trên cho thấy việc nghiên cứu đề tài "*Hợp đồng theo mẫu theo quy định của pháp luật dân sự Việt Nam*" là cần thiết và sẽ mang lại những giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Nhìn chung, hợp đồng theo mẫu là một loại hợp đồng đặc thù và do đó nhận được khá nhiều sự quan tâm của các tác giả thông qua nhiều công trình nghiên cứu khoa học khác nhau dưới dạng luận án, luận văn, sách chuyên khảo, bài viết tạp chí… Những công trình này mặc dù có cách tiếp cận trực tiếp song mới chỉ nghiên cứu các khía cạnh nhỏ về hợp đồng theo mẫu, nên chưa công trình nào đưa ra được những giải pháp toàn diện nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp đồng theo mẫu. Đây chính là một trong những lý do cho thấy việc nghiên cứu đề tài luận án mà NCS đã lựa chọn là thực sự cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của đề tài là nghiên cứu làm rõ những vấn đề có liên quan đến cơ sở lý luận của hợp đồng theo mẫu như khái niệm, đặc điểm bản chất và các quan điểm lập pháp trên thế giới về hợp đồng theo mẫu. Đề tài nghiên cứu cũng tập trung phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật Việt Nam và thực tiễn áp dụng pháp luật về hợp đồng theo mẫu. Qua đó đưa ra những kiến nghị hoàn thiện pháp luật và giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về hợp đồng theo mẫu.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên, đề tài hướng tới giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu sau đây:

Thứ nhất, phân tích những vấn đề lý luận nền tảng về hợp đồng theo mẫu;

Thứ hai, nghiên cứu thực trạng pháp luật về hợp đồng theo mẫu và thực tiễn thực hiện pháp luật về hợp đồng theo mẫu ở Việt Nam;

Thứ ba, đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về hợp đồng theo mẫu ở Việt Nam;

Thứ tư, xây dựng hệ thống các kiến nghị hoàn thiện pháp luật và kiến nghị nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp đồng theo mẫu ở Việt Nam.

4. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu của đề tài

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ nêu trên, đối tượng nghiên cứu của luận án là những vấn đề lý luận, pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về hợp đồng theo mẫu.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về nội dung nghiên cứu:* Luận án tập trung nghiên cứu các vấn đề về hợp đồng theo mẫu theo quy định của BLDS năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan;

- *Về không gian:* Luận án tập trung nghiên cứu pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về hợp đồng theo mẫu trên lãnh thổ Việt Nam. Trong quá trình nghiên cứu, luận án cũng liên hệ pháp luật của một số quốc gia theo góc độ đối chiếu với pháp luật Việt Nam để có cơ sở trong việc hoàn thiện pháp luật;

- *Về thời gian:* Luận án tập trung nghiên cứu pháp luật Việt Nam hiện hành về hợp đồng theo mẫu.

5. Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu

***5.1. Phương pháp luận*:**

Việc phân tích các nội dung của luận án dựa trên nền tảng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Luận án sử dụng lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam làm phương pháp luận trong quá trình nghiên cứu.

5.2. Phương pháp nghiên cứu:

Trên cơ sở nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, việc nghiên cứu luận án đươc thực hiện theo những phương pháp nghiên cứu như sau:

Phương pháp phân tích: Đây là phương pháp được sử dụng để phân tích, bình luận, đánh giá các quan điểm của các tác giả liên quan đến các nội dung của luận án và các quy định của pháp luật có liên quan đến hợp đồng theo mẫu. Đây là phương pháp cơ bản, được sử dụng trong suốt quá trình nghiên cứu luận án, từ nghiên cứu tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài đến nghiên cứu các chuyên đề chuyên sâu và các chương của luận án.

Phương pháp tổng hợp: Đây là phương pháp quan trọng, được sử dụng để nghiên cứu hệ thống các tài liệu, các công trình nghiên cứu đã được công bố có liên quan đến đề tài luận án. Thông quan việc sử dụng phương pháp này, NCS có cái nhìn bao quát về thực trạng việc nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án. Qua đó có thể nhận định, đánh giá được kết quả nghiên cứu của các tác giả và đưa ra những kiến nghị, giải pháp mới cho vấn đề nghiên cứu.

Phương pháp so sánh luật học: Phương pháp này được sử dụng khi phân tích, đánh giá các quy định của pháp luật Việt Nam về hợp đồng theo mẫu trong mối tương quan với quy định pháp luật một số quốc gia nhằm làm sáng tỏ những điểm chung, sự khác biệt trong các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về hợp đồng theo mẫu.

Phương pháp phân tích tính logic của các quy phạm pháp luật: Phương pháp này được sử dụng khi đánh giá thực trạng pháp luật, xem xét tính thống nhất, tính đồng bộ nhằm phát hiện mâu thuẫn trong nội dung quy định pháp luật về hợp đồng theo mẫu, qua đó đề xuất kiến nghị giải pháp hoàn thiện.

6. Những điểm mới của đề tài

Thứ nhất, luận án là công trình nghiên cứu toàn diện về các vấn đề lý luận, pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về hợp đồng theo mẫu.

Thứ hai, luận án nghiên cứu, phân tích để xác định được bản chất của hợp đồng theo mẫu.

Thứ ba, luận án nghiên cứu hệ thống các quan điểm lập pháp trên thế giới về hợp đồng theo mẫu, từ đó xác định học thuyết chủ đạo cho việc nghiên cứu các nội dung của luận án.

Thứ tư, luận án đưa ra được hệ thống các đánh giá điểm bất cập, hạn chế của quy định pháp luật về hợp đồng theo mẫu trên cơ sở nghiên cứu toàn diện các quy định pháp luật về hợp đồng theo mẫu.

Thứ năm, luận án nghiên cứu toàn diện thực tiễn thực hiện pháp luật về hợp đồng theo mẫu, từ việc soạn thảo, đăng ký, thực hiện và giải quyết tranh chấp về hợp đồng theo mẫu.

Thứ sáu, luận án xây dựng được hệ thống giải pháp toàn diện nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về hợp đồng theo mẫu.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận án được thiết kế thành 3 chương như sau:

Chương 1. Cơ sở lý luận của hợp đồng theo mẫu

Chương 2. Thực trạng pháp luật Việt Nam về hợp đồng theo mẫu

Chương 3. Thực tiễn thực hiện pháp luật về hợp đồng theo mẫu tại Việt Nam và một số kiến nghị hoàn thiện.

CHƯƠNG 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HỢP ĐỒNG THEO MẪU

1.1. Lịch sử hình thành của hợp đồng theo mẫu

Như vậy, thông qua việc nghiên cứu lịch sử hình thành của chế định hợp đồng theo mẫu, có thể thấy rằng chế định này được ghi nhận một cách khách quan, là hệ quả tất yếu của sự phát triển bủng nổ của các ngành sản xuất, dịch vụ mang tính chất độc quyền khi cuộc chơi chỉ được điều khiển bởi một vài các công ty lớn trong các lĩnh vực đó, trong khi số lượng người sử dụng các hàng hóa, dịch vụ thì vô cùng lớn, dẫn đến sự chênh lệch về vị thế giữa các bên và từ đó, khả năng áp đặt ý chí, đưa ra các nội dung trong hợp đồng theo mẫu cũng thuộc về bên có vị thế cao hơn, dẫn tới sự áp dụng chế định này trong thời đại hiện nay.

1.2. Khái niệm, bản chất và đặc điểm của hợp đồng theo mẫu

1.2.1. Khái niệm hợp đồng theo mẫu

"Hợp đồng theo mẫu là hợp đồng được sử dụng nhiều lần, trong đó các điều khoản được đưa ra bởi một bên chiếm ưu thế trong thương lượng (thường là bên cung cấp hàng hóa, dịch vụ) để giao kết với bên còn lại (thường là người tiêu dùng); bên được đề nghị chỉ có thể chấp nhận toàn bộ nội dung hợp đồng hoặc từ chối giao kết hợp đồng".

1.2.2. Bản chất của hợp đồng theo mẫu

Bản chất của hợp đồng theo mẫu được thể hiện thông qua hoạt động giao kết hợp đồng hay hợp đồng theo mẫu chính là hợp đồng được giao kết thông qua một phương thức đặc biệt.

1.2.3. Đặc điểm của hợp đồng theo mẫu

Ngoài những đặc điểm chung của hợp đồng dân sự thì hợp đồng theo mẫu cũng có những đặc điểm riêng biệt như sau:

Thứ nhất, hợp đồng theo mẫu thể hiện rõ tính chất chủ động của một bên chủ thể khi họ là bên đưa ra hợp đồng trong khi bên còn lại chỉ có thể chấp nhận toàn bộ nội dung hợp đồng được đề nghị hoặc từ chối giao kết hợp đồng.

Thứ hai, hợp đồng theo mẫu có sự bất bình đẳng về vị thế thương lượng giữa các chủ thể.

Thứ ba, hợp đồng theo mẫu được áp dụng nhiều lần với cùng một nội dung giống nhau.

Thứ tư, hợp đồng theo mẫu thường được giao kết giữa hai bên chủ thể là doanh nghiệp cung cấp hàng hóa, dịch vụ và người tiêu dùng.

Thứ năm, hợp đồng theo mẫu chỉ có thể được giao kết bằng hình thức văn bản.

1.3. Các học thuyết pháp lý liên quan đến hợp đồng theo mẫu

Sau khi tìm hiểu và đánh giá, NCS xin đưa ra một số học thuyết pháp lý sau đây có liên quan đến hợp đồng theo mẫu:

Thứ nhất, học thuyết về sự bất công bằng (Doctrine of unconscionability).

Thứ hai, học thuyết về công bằng thủ tục trong tự do hợp đồng.

Thứ ba, học thuyết về công bằng nội dung trong tự do hợp đồng.

Thứ tư, học thuyết chống lại bên soạn thảo hợp đồng (Doctrine of Contra – Proferentem).

Nghiên cứu các học thuyết này NCS nhận thấy rằng mặc dù không đề cập trực tiếp đến hợp đồng theo mẫu, song những nền tảng lý luận trong các học thuyết này vẫn có giá trị định hướng cho việc hoàn thiện pháp luật. Mặc dù vậy, rất khó có thể lựa chọn một trong các học thuyết này làm học thuyết chủ đạo cho quá trình nghiên cứu luận án. Do đó, trong quá trình nghiên cứu các nội dung của luận án, NCS sẽ sử dung tổng hợp nền tảng lý thuyết trong các học thuyết này một cách phù hợp.

1.4. So sánh thuật ngữ hợp đồng theo mẫu với một số thuật ngữ khác

1.4.1. Hợp đồng theo mẫu và mẫu hợp đồng

Thứ nhất, về đối tượng soạn thảo hợp đồng: Có thể thấy rằng mẫu hợp đồng là thuật ngữ chỉ những văn bản thường được soạn thảo bởi các bên thứ ba, những văn bản này thường mang tính chất hướng dẫn là chính và không có tính chất bắt buộc áp dụng. Trong khi đó hợp đồng theo mẫu thường do một bên của hợp đồng soạn thảo sẵn, bên còn lại nếu muốn giao kết hợp đồng thì bắt buộc phải chấp nhận nội dung hợp đồng.

Thứ hai, về sự thể hiện ý chí của các chủ thể: Mẫu hợp đồng hoàn toàn bảo đảm những nguyên tắc cơ bản trong quá trình giao kết hợp đồng thông thường. Trong khi đó, hợp đồng theo mẫu là loại hợp đồng đặc biệt khi một bên đưa ra hợp đồng, bên còn lại không được quyền đàm phán các nội dung trong đó mà chỉ có thể chấp nhận toàn bộ nội dung hợp đồng hoặc không giao kết hợp đồng.

Thứ ba, về nội dung, theo quan điểm của NCS, mẫu hợp đồng có thể tồn tại ở khá nhiều dạng khác nhau. Trong khi đó, nội dung của hợp đồng theo mẫu bao gồm những điều khoản chi tiết, toàn diện, áp dụng cho từng loại đối tượng với từng loại chủ thể cụ thể.

1.4.2. Hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung

Về bản chất, hợp đồng theo mẫu là một hợp đồng trọn vẹn, toàn bộ nội dung cũng như các điều khoản trong hợp đồng theo mẫu sẽ được ghi nhận trong chính hợp đồng được các bên ký kết. Còn điều kiện giao dịch chung có thể tồn tại ở nhiều dạng khác nhau, có thể nằm trong văn bản riêng biệt hoặc trong hợp đồng được giao kết giữa các bên.

Về thời điểm có hiệu lực, hợp đồng theo mẫu là một loại hợp đồng cụ thể nên sẽ phải tuân thủ theo thời điểm có hiệu lực chung của hợp đồng. Còn đối với điều kiện giao dịch chung, thời điểm có hiệu lực là khi bên đưa ra các điều kiện giao dịch chung đã tiến hành thông báo, niêm yết công khai cho bên còn lại biết hoặc phải biết về các điều kiện này.

Về việc thay đổi nội dung, việc thay đổi nội dung trong hợp đồng theo mẫu là điều không thể sau khi đã ký hợp đồng. Còn đối với điều kiện giao dịch chung, khi muốn thay đổi nội dung thì bên đề nghị chỉ cần tự thay đổi những nội dung đó, và sau tiến hành thông báo, niêm yết công khai những điều kiện mới thì đã được xem là có hiệu lực.

Về hình thức, hợp đồng theo mẫu chủ yếu có hình thức bằng văn bản. Còn hình thức với các điều kiện giao dịch chung có thể thông qua hợp đồng bằng văn bản nhưng cũng có thể thông qua một hành vi nhất định như đăng các điều kiện giao dịch chung lên trang web, lên mạng xã hội hoặc các phương tiện thông tin đại chúng.

1.4.3. Hợp đồng theo mẫu và hợp đồng gia nhập

Điểm khác nhau duy nhất giữa hợp đồng theo mẫu và hợp đồng gia nhập mà chúng ta có thể thấy đó là cách sử dụng thuật ngữ cũng như cách nhấn mạnh yếu tố nổi trội trong đó, cụ thể nếu như hợp đồng theo mẫu nhấn mạnh vào tính chất "theo mẫu", tính chất được tiêu chuẩn hóa, áp đặt của bên đề nghị giao kết hợp đồng khi bên này soạn sẵn nội dung hợp đồng để gửi cho bên còn lại. Như vậy, khi đưa ra thuật ngữ hợp đồng theo mẫu thì thường người đưa ra thuật ngữ đó sẽ nhìn nhận ở góc độ của hoạt động giao kết hợp đồng. Trong khi đó, hợp đồng gia nhập lại tập trung nhấn mạnh vào yếu tố đó là xác lập với nhiều người tiêu dùng, nói cách khác là thể hiện tính đại chúng của loại hợp đồng này.

1.4.4. Hợp đồng theo mẫu và điều khoản mẫu của hợp đồng

Điểm khác biệt cơ bản giữa điều khoản mẫu và hợp đồng theo mẫu đó là về quy mô áp dụng. Trong hợp đồng theo mẫu, toàn bộ tất cả nội dung hợp đồng đều là những nội dung đã được tiêu chuẩn hóa, đều do bên kia đưa ra và bên còn lại không được đàm phán, thỏa thuận. Còn đối với các điều khoản mẫu của hợp đồng, có thể thấy rằng các điều khoản này sẽ không cấu thành nên toàn bộ nội dung hợp đồng mà chỉ là một phần hợp đồng.

1.4.5. Đánh giá chung về các thuật ngữ

Thuật ngữ mẫu hợp đồng là thuật ngữ có nội hàm hoàn toàn khác biệt so với các thuật ngữ còn lại khi chỉ là một dạng văn bản được đề nghị bởi một bên cho bên còn lại, tuy nhiên đề nghị này chỉ mang tính chất tham khảo chứ không áp đặt, bên được đề nghị hoàn toàn có thể điều chỉnh lại nội dung và các bên tiếp tục quá trình

trao đổi, thương lượng để hướng tới việc giao kết hợp đồng. Trong khi đó, bốn thuật ngữ khác bao gồm hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung, hợp đồng gia nhập và điều khoản mẫu của hợp đồng lại có chung bản chất và đều hướng đến một vấn đề, đó là sự áp đặt của bên đưa ra đề nghị về những nội dung mà bên này đã chuẩn bị và bên còn lại không có cơ hội đàm phán, thương thảo về việc thay đổi những nội dung này. Do vậy, về cơ bản chúng ta có thể áp dụng chung một cơ chế pháp lý đối với bốn thuật ngữ này.

1.5. Pháp luật một số quốc gia và khu vực trên thế giới về hợp đồng theo mẫu

1.5.1. Khái quát pháp luật một số quốc gia và khu vực trên thế giới

1.5.1.1. Pháp luật của Liên minh Châu Âu

Liên quan đến các nội dung về hợp đồng theo mẫu, Hội đồng Liên minh Châu Âu có ban hành Chỉ thị 93/13/EEC vào ngày 5/3/1993 quy định về các điều khoản bất công bằng trong hợp đồng tiêu dùng. Chỉ thị này được xem là nền tảng để tiến hành kiểm soát một cách rộng rãi đối với các điều khoản mẫu.

1.5.1.2. Pháp luật của Cộng hòa Liên bang Đức

Đức là một trong số ít các quốc gia trên thế giới ban hành đạo luật riêng về điều khoản theo mẫu khi vào ngày 1/4/1977, Đạo luật Điều khoản mẫu bắt đầu có hiệu lực. Đạo luật này nhanh chóng đóng vai trò quan trọng trong Luật hợp đồng của Đức. Từ năm 1977 đến năm 1999, riêng Tòa án tối cao của Đức chứ chưa bao gồm các Tòa án cấp dưới, đã xử lý hơn 1500 vụ việc liên quan đến Đạo luật Điều khoản mẫu. Đạo luật này đã duy trì vai trò là một đạo luật riêng biệt cho đến khi được tích hợp vào trong nội dung BLDS Đức ngày 1/1/2002. Trong suốt 25 năm vòng đời, mặc dù có chỉnh sửa một số chi tiết nhất định nhưng gần như không có những điều chỉnh hay sửa đổi lớn và đây được xem là một đạo luật thành công khi bảo đảm tốt sự hài hòa với Chỉ thị của Liên minh Châu Âu.

1.5.1.3. Pháp luật của Trung Quốc

Đối với pháp luật Trung Quốc, vấn đề về hợp đồng theo mẫu được ghi nhận trong BLDS 2020 có hiệu lực kể từ ngày 1/1/2021. Trước khi BLDS 2020 ra đời, hợp đồng theo mẫu của Trung Quốc được điều chỉnh trong Luật hợp đồng 1999 chủ yếu dưới góc độ về các điều khoản theo mẫu bất công bằng. Tuy nhiên, sự ra đời của BLDS 2020 cũng đồng thời dẫn đến một sự hệ thống hóa toàn diện các quy định về điều khoản theo mẫu, cụ thể từ Điều 496 đến Điều 498.

1.5.1.4. Pháp luật của Nhật Bản

Đạo luật Hợp đồng Người tiêu dùng Nhật Bản 2000 bao gồm 53 điều, trong đó các điều liên quan đến quy định về điều khoản hợp đồng người tiêu dùng nằm ở Phần 3 của Chương 2, từ Điều 8 – 10. Điều 8 nêu ra các điều khoản sẽ không có

hiệu lực do loại trừ trách nhiệm của doanh nghiệp đối với các thiệt hại xảy ra, Điều 9 nêu ra các điều khoản không có hiệu lực cho quy định cụ thể mức thiệt hại phải bồi thường bởi người tiêu dùng.

1.5.1.5. Pháp luật của Hoa Kỳ

Nguyên tắc mà Hoa Kỳ sử dụng để xử lý các điều khoản mẫu được dựa trên quy định tại Phần 2 – 302 của Bộ luật thương mại thống nhất Hoa Kỳ (UCC) đưa ra bởi học giả hàng đầu về luật thương mại và đồng thời cũng là kiến trúc sư trưởng của UCC – Llewellyn. Cụ thể, Phần 2 – 302 của UCC cho phép, nhưng không bắt buộc, Tòa án được từ chối hiệu lực của một điều khoản được cho rằng bất công bằng (unconscionable). Phần 2 – 302 không chỉ giới hạn đối với việc kiểm soát các điều khoản mẫu, mà áp dụng cho tất cả các điều khoản trong các giao dịch giữa các thương nhân cũng như với người tiêu dùng, kể cả các điều khoản được thỏa thuận giữa các bên. Tuy nhiên trên thực tế thì hầu hết các vụ việc liên quan đến Phần 2 – 302 đều có liên quan đến các điều khoản mẫu.

1.5.2. Nhận định chung về hệ thống pháp luật của một số quốc gia và khu vực trên thế giới

Nhìn chung, hệ thống các quy định pháp luật về hợp đồng theo mẫu của một vài quốc gia trên thế giới mà NCS đã phân tích là khá đa dạng và cho thấy nhiều cách tiếp cận khác nhau. Có quốc gia tiếp cận ở góc độ tổng quát từ BLDS nhưng cũng có quốc gia tiếp cận từ khía cạnh người tiêu dùng với trọng tâm là các đạo luật bảo vệ người tiêu dùng. Cả hai góc nhìn này đều có ưu nhược điểm nhất định và hướng đến những mục tiêu riêng phù hợp với hệ thống pháp luật từng quốc gia.

CHƯƠNG 2
THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG THEO MẪU

2.1. Giao kết, thực hiện hợp đồng theo mẫu

2.1.1. Giao kết hợp đồng theo mẫu

2.1.1.1. Chủ thể giao kết hợp đồng theo mẫu

Thứ nhất, đối với bên đề nghị giao kết hợp đồng theo mẫu

Bên đề nghị giao kết hợp đồng theo mẫu có thể là cá nhân hoặc pháp nhân, miễn sao bảo đảm được yếu tố về năng lực chủ thể để cung cấp hàng hóa, dịch vụ một cách chuyên nghiệp đến cho khách hàng. Ngoài ra, mặc dù bên đề nghị giao kết hợp đồng theo mẫu có thể là cá nhân hoặc tổ chức, nhưng thực tiễn cho thấy hầu hết, thậm chí là gần như 100% các chủ thể này là các tổ chức. Điều này được lý giải bởi việc các tổ chức có cơ cấu bộ máy bài bản, số lượng nhân sự đông đảo, hoạt động theo quy trình phối hợp giữa nhiều bên thì mới có thể tạo nên sự chuyên nghiệp, từ đó cung cấp dịch vụ được cho rất nhiều khách hàng sử dụng hàng hóa, dịch vụ.

Một điểm nổi trội của bên đề nghị giao kết hợp đồng theo mẫu, đó là sự vượt trội về vị thế thương lượng so với bên còn lại. Sự vượt trội này đến từ một số nguyên nhân như sau: *Thứ nhất*, bên đề nghị giao kết có lợi thế về mặt thông tin khi giao kết hợp đồng. *Thứ hai*, có sự mất cân bằng giữa cung và cầu trong các giao dịch liên quan đến hàng hóa, dịch vụ có sử dụng hợp đồng theo mẫu.

Thứ hai, đối với bên được đề nghị giao kết hợp đồng theo mẫu

Bên được đề nghị giao kết hợp đồng theo mẫu phần lớn là người tiêu dùng khi số lượng các hợp đồng tiêu dùng đối với các hàng hóa, dịch vụ là vô cùng lớn. Tuy nhiên, ngoài người tiêu dùng thì hiện nay hợp đồng theo mẫu cũng có thể được áp dụng giữa các chủ thể là thương nhân với nhau, dù không nhiều. Các chủ thể này khi tham gia giao kết hợp đồng theo mẫu vẫn phải bảo đảm các điều kiện chung theo quy định của pháp luật dân sự về năng lực chủ thể nói chung, bao gồm năng lực hành vi dân sự, phụ thuộc vào độ tuổi và khả năng nhận thức làm chủ hành vi và năng lực pháp luật dân sự, tức là họ có quyền được tham gia vào hợp đồng đó hay không. Tùy từng lĩnh vực giao dịch cụ thể mà pháp luật chuyên ngành có quy định cụ thể hơn về năng lực chủ thể của bên được đề nghị giao kết hợp đồng theo mẫu thì các chủ thể này cũng sẽ phải tuân theo các quy định riêng của luật chuyên ngành đó.

2.1.1.2. Nguyên tắc giao kết hợp đồng theo mẫu

BLDS 2015 không có quy định riêng về nguyên tắc giao kết hợp đồng mà việc giao kết hợp đồng theo mẫu nói riêng và giao kết hợp đồng nói chung sẽ phải tuân

thủ theo các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự. Tuy nhiên, hợp đồng theo mẫu là một loại hợp đồng được giao kết theo phương thức đặc biệt với những đặc trưng riêng và trong số những nguyên tắc cơ bản nêu trên thì có hai nguyên tắc bị hạn chế khi giao kết hợp đồng theo mẫu, đó là nguyên tắc bình đẳng và nguyên tắc tự do.

Điều này chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của bên được đề nghị giao kết và do vậy, nhiệm vụ của các quy định pháp luật về hợp đồng theo mẫu đó là phải tìm cách khôi phục lại hai nguyên tắc này nhằm bảo đảm sự cân bằng giữa hai bên chủ thể. Hiện nay, các quy định này được xây dựng theo hướng có sự can thiệp ở mức độ cao hơn của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền so với những hợp đồng thông thường, mục đích là không để cho bên đưa ra hợp đồng, vốn là bên mạnh thế, gây ra những bất lợi nhất định về quyền và lợi ích cho bên còn lại, vốn là bên yếu thế. Cụ thể, các quy định pháp luật về hợp đồng theo mẫu được điều chỉnh để kiểm soát các vấn đề bao gồm:

Thứ nhất, hình thức của hợp đồng. Theo đó, cả Điều 14 của LBVQLNTD 2010 và Điều 7 của Nghị định 99/2011/NĐ-CP ngày 27/10/2011 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của LBVQLNTD đều ghi nhận cụ thể về hình thức, ngôn ngữ, văn phong, cỡ chữ, màu mực cũng như nền giấy của hợp đồng. Như vậy, điều này góp phần hạn chế các trường hợp bên đưa ra hợp đồng theo mẫu lợi dụng việc mình có toàn quyền soạn thảo mà sử dụng những hình thức không phù hợp, ngôn ngữ rắc rối, phức tạp, cỡ chữ nhỏ, khó nhìn để làm giảm khả năng đọc hiểu và nhận thức về các nội dung trong hợp đồng của bên được đề nghị giao kết hợp đồng.

Thứ hai, nội dung của hợp đồng. Các quy định liên quan đến kiểm soát về nội dung hợp đồng cũng khá đa dạng, nhưng tập trung vào các quy định về những nội dung phải có trong hợp đồng cũng như các nội dung bị cấm trong hợp đồng. Trong đó, các nội dung bắt buộc phải có trong hợp đồng thường hướng đến việc cung cấp đầy đủ thông tin về những vấn đề cơ bản và quan trọng nhất trong hợp đồng, còn các nội dung bị cấm là để tránh trường hợp bên đưa ra hợp đồng soạn thảo những nội dung không phù hợp và xâm phạm đến quyền lợi của bên còn lại.

2.1.1.3. Trình tự giao kết hợp đồng theo mẫu

Quá trình giao kết hợp đồng nói chung và hợp đồng theo mẫu nói riêng luôn luôn phải bao gồm hai giai đoạn, đó là đề nghị giao kết hợp đồng và chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng. Hai giai đoạn này sẽ được NCS phân tích và đánh giá cụ thể trong nội dung dưới đây.

Thứ nhất, đề nghị giao kết hợp đồng theo mẫu.

Đối với đề nghị giao kết hợp đồng theo mẫu, một điểm đặc biệt có thể thấy đó là nội dung đề nghị giao kết chính là nội dung của một hợp đồng gần như hoàn chỉnh với đầy đủ các điều khoản chứ không chỉ là những nội dung tối thiểu thể hiện ý định giao kết hợp đồng như các đề nghị giao kết hợp đồng thông thường. Các điều khoản hợp đồng đã được soạn thảo sẵn bởi bên đề nghị giao kết, bên được đề nghị không thể thay đổi hoặc bổ sung, trừ việc cụ thể hóa một số điều khoản liên quan đến các thông tin cá nhân của bên được đề nghị. Do vậy, nội dung đề nghị giao kết hợp đồng theo mẫu luôn bảo đảm sự rõ ràng, đầy đủ các chi tiết nhưng lại có nhược điểm đó là quá dài dòng, phức tạp, sử dụng nhiều thuật ngữ chuyên môn trong khi đề nghị giao kết hợp đồng bình thường chỉ nói đến những yếu tố cơ bản thuộc về bản chất để bên được đề nghị nắm được những ý chính và những nội dung cần thiết nhất.

Nội dung của đề nghị giao kết hợp đồng theo mẫu hay nội dung của hợp đồng theo mẫu sẽ phải được công khai, thông báo cho bên được đề nghị trước khi giao kết hợp đồng. Điều này được quy định chung đối với hợp đồng tại khoản 1 Điều 387 BLDS 2015 khi *"trường hợp một bên có thông tin ảnh hưởng đến việc chấp nhận giao kết hợp đồng của bên kia thì phải thông báo cho bên kia biết"*, quy định cụ thể tại khoản 1 Điều 405 BLDS 2015 khi *"hợp đồng theo mẫu phải được công khai để bên được đề nghị biết hoặc phải biết về những nội dung của hợp đồng"* cũng như tại khoản 6 Điều 12 LBVQLNTD 2010 trong đó yêu cầu tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ *"thông báo chính xác, đầy đủ cho người tiêu dùng về hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trước khi giao dịch"*.

Thứ hai, chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng theo mẫu

Quá trình giao kết hợp đồng theo mẫu kết thúc khi bên được đề nghị trả lời đề nghị giao kết hợp đồng của bên đề nghị. Việc trả lời này có thể dẫn đến một trong hai hậu quả: Chấp nhận đề nghị giao kết hoặc từ chối đề nghị giao kết. Khi bên được đề nghị từ chối đề nghị giao kết, lúc này hợp đồng không được hình thành do ý chí của các bên không gặp nhau, không thống nhất với nhau về các nội dung của hợp đồng. Còn nếu như bên được đề nghị chấp nhận đề nghị giao kết, hợp đồng sẽ được hình thành. Việc chấp nhận đề nghị giao kết ở đây được hiểu là bên được đề nghị sẽ phải chấp nhận toàn bộ các nội dung mà bên đề nghị đưa ra mà không được chỉnh sửa, bổ sung bất cứ điều gì. Quá trình giao kết hợp đồng theo mẫu không có sự thay đổi vai trò mà từ đầu đến cuối bên đưa ra đề nghị luôn chỉ là một bên, thường là bên cung cấp hàng hóa, dịch vụ, còn bên được đề nghị cũng luôn là một bên, thường là người tiêu dùng. Việc chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng trong hợp đồng theo mẫu không phải là kết quả cuối cùng sau nhiều lần trao đi đổi lại giữa các bên, mà chỉ diễn ra sau một hoạt động đưa ra đề nghị giao kết duy nhất của bên đề nghị.

2.1.2. Thực hiện hợp đồng theo mẫu

Quy định về thực hiện hợp đồng theo mẫu được ghi nhận tại Điều 17 LBVQLNTD 2010, theo đó bao gồm hai vấn đề: Bên cung cấp hàng hóa, dịch vụ phải *dành thời gian hợp lý để người tiêu dùng nghiên cứu hợp đồng* và *phải lưu giữ hợp đồng theo mẫu đã ký kết cho đến khi hợp đồng hết hiệu lực*.

Trước hết, có thể thấy rằng việc quy định về nghĩa vụ dành thời gian nghiên cứu hợp lý cho người tiêu dùng trong phần về thực hiện hợp đồng là không hợp lý khi đây là một nghĩa vụ thuộc về giai đoạn giao kết hợp đồng. Giai đoạn giao kết hợp đồng bao gồm tất cả mọi hành vi diễn ra trước khi hợp đồng được hình thành và có hiệu lực, trong khi đó, giai đoạn thực hiện hợp đồng lại diễn ra sau khi hợp đồng đã có hiệu lực. Bản thân nghĩa vụ nghiên cứu hợp đồng của người tiêu dùng được tiến hành trước khi giao kết, để nhằm mục đích xem xét và có cơ sở để từ đó ra quyết định có chấp nhận giao kết hợp đồng hay không. Do vậy, việc dành thời gian hợp lý cho người tiêu dùng nghiên cứu hợp đồng không thuộc về hoạt động thực hiện hợp đồng mà là giao kết hợp đồng. Còn lại, hành vi buộc bên đưa ra hợp đồng phải lưu giữ hợp đồng đã ký đến khi hợp đồng hết hiệu lực và có trách nhiệm cung cấp bản sao khi người tiêu dùng giữ bí mật hoặc làm mất là hợp lý, điều này buộc bên đưa ra hợp đồng theo mẫu phải thực hiện theo đúng các nội dung quy định trong hợp đồng và nếu có tranh chấp thì văn bản hợp đồng sẽ là cơ sở để giải quyết tranh chấp giữa các bên.

2.2. Kiểm soát hợp đồng theo mẫu

2.2.1. Phương thức kiểm soát hợp đồng theo mẫu

2.2.1.1. Phương thức tiền kiểm

Phương thức tiền kiểm trong hoạt động kiểm soát hợp đồng theo mẫu được hiểu là việc tiến hành kiểm soát các hợp đồng theo mẫu đó trước khi tiến hành áp dụng hợp đồng đối với chủ thể còn lại. Hiện nay, phương thức tiền kiểm được thể hiện thông qua biện pháp đăng ký hợp đồng theo mẫu.

Hoạt động đăng ký hợp đồng theo mẫu được đưa ra lần đầu tiên trong Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành Danh mục 09 loại hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung. Sau nhiều lần sửa đổi thông qua Quyết định số 35/2015/QĐ-TTg, Quyết định số 38/2018/QĐ-TTg và cuối cùng là Quyết định số 25/2019/QĐ-TTg, đến thời điểm này, Danh mục hợp đồng theo mẫu phải đăng ký, các lĩnh vực bắt buộc phải tiến hành đăng ký hợp đồng theo mẫu bao gồm: *cung cấp điện sinh hoạt; cung cấp nước sinh hoạt; truyền hình trả tiền; dịch vụ điện thoại cố định mặt đất; dịch vụ thông tin di động mặt đất (trả trước và trả*

sau); dịch vụ truy nhập internet; vận chuyển hành khách đường hàng không; vận chuyển hành khách đường sắt; mua bán căn hộ chung cư, các dịch vụ sinh hoạt do đơn vị quản lý khu chung cư cung cấp.

Tuy nhiên, có thể thấy rằng danh mục hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng theo mẫu theo quy định pháp luật hiện hành tại Quyết định 02/2012/QĐ-TTg đang không áp dụng theo bất kỳ một tiêu chí nào cả mà được đưa vào một cách khá lộn xộn, vẫn còn thiếu các hàng hóa, dịch vụ thực sự thiết yếu cho cuộc sống, trong khi nhiều hàng hóa, dịch vụ khác trong danh sách dường như hướng đến hoạt động phục vụ nâng cao chất lượng đời sống của con người hoặc mức độ phổ biến của chúng chứ không phải mang tính chất thực sự cần thiết, không thể thiếu được đối với con người.

Về chủ thể có thẩm quyền kiểm soát, phương thức tiền kiểm được thực hiện được thực hiện bởi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cụ thể theo Điều 9 Nghị định 99/2011/NĐ-CP bao gồm Bộ công thương (Cục quản lý cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng) và Sở công thương, trong đó Bộ công thương chịu trách nhiệm với các hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung áp dụng cho các hợp đồng theo mẫu có phạm vi áp dụng trên toàn quốc hoặc từ hai tỉnh trở lên. Còn Sở công thương chịu trách nhiệm với các hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung có phạm vi áp dụng trong tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2.2.1.2. Phương thức hậu kiểm

Phương thức hậu kiểm là phương thức được sử dụng để đánh giá tình hình thực tiễn thực hiện các quy định pháp luật của các chủ thể, nếu trong trường hợp phát hiện ra các vi phạm, cơ quan có thẩm quyền có thể đưa ra các chế tài xử phạt và các biện pháp xử lý hậu quả để mang tính chất răn đe, cảnh báo tới các chủ thể vi phạm, nói cách khác phương thức hậu kiểm mang ý nghĩa là "chữa bệnh". Phương thức này đơn giản nhìn nhận hợp đồng theo mẫu vốn là các hợp đồng dân sự, và để cho các bên tự do trong hoạt động giao kết, phát sinh hiệu lực, thực hiện và chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên, việc cho các bên tự do trong hợp đồng theo mẫu không có nghĩa là bỏ mặc cho các bên muốn làm gì thì làm mà chẳng qua khi các bên đã giao kết hợp đồng xong thì lúc này hoạt động kiểm soát mới diễn ra.

Về đối tượng áp dụng, phương thức hậu kiểm không bị giới hạn về đối tượng, khi tất cả các lĩnh vực có áp dụng hợp đồng theo mẫu, dù có bắt buộc đăng ký hay không đều có thể bị hậu kiểm. Điều này được thể hiện trong khoản 3 Điều 14 Nghị định 99/2011/NĐ-CP khi các cơ quan tiếp nhận đăng ký vẫn phải thường xuyên kiểm tra, theo dõi việc lưu hành hợp đồng theo mẫu đã đăng ký. Tuy nhiên, cách thức kiểm soát đối với hợp đồng theo mẫu trong danh mục bắt buộc phải đăng ký hay không bắt buộc đăng ký vẫn có sự khác nhau nhất định.

Liên quan đến chủ thể có thẩm quyền kiểm soát, phương thức hậu kiểm có sự đa dạng hơn khi ngoài các cơ quan nhà nước có thẩm quyền là Bộ Công thương và Sở Công thương thì cả người tiêu dùng và tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng cũng có quyền tham gia vào quá trình kiểm soát.

2.2.2. Phạm vi kiểm soát hợp đồng theo mẫu

2.2.2.1. Kiểm soát hình thức hợp đồng theo mẫu

Việc ghi nhận hợp đồng theo mẫu bằng văn bản là một quy định phù hợp khi hình thức bằng văn bản giúp bảo đảm an toàn pháp lý, là cơ sở ghi nhận những nội dung các bên đã thống nhất với nhau, đồng thời cũng là cơ sở giải quyết tranh chấp khi các bên có xung đột với nhau. Cái gì muốn áp dụng hàng loạt trên quy mô lớn thì nó cần phải có sự thống nhất trong tất cả mọi trường hợp nên chỉ có duy nhất hình thức bằng văn bản là thỏa mãn những yếu tố này, còn hai hình thức còn lại là bằng miệng hoặc bằng hành vi sẽ có sự khác nhau tùy vào từng trường hợp, từng hoàn cảnh cụ thể.

Bên cạnh đó, các yếu tố về cỡ chữ tối thiểu là 12, nền giấy và màu mực trong hợp đồng theo mẫu phải tương phản nhau là quy định hợp lý, nhằm bảo đảm các điều kiện phù hợp cho việc quan sát của bên được đề nghị giao kết, từ đó họ dễ dàng đọc được hợp đồng và xem xét các nội dung trong đó. Ngoài ra liên quan đến ngôn ngữ của hợp đồng, nếu như LBVQLNTD 2010 có quy định tương đối mở khi cho phép các hợp đồng tiêu dùng có thể bằng tiếng việt hoặc một ngôn ngữ khác nếu các bên có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định, thì Nghị định 99/2011/NĐ-CP lại có quy định cứng nhắc bắt buộc ngôn ngữ hợp đồng theo mẫu phải bằng tiếng việt mà không cho ngoại lệ. Quy định này là chưa hợp lý khi hiện nay ngày càng nhiều người nước ngoài sinh sống và làm việc tại Việt Nam. Bản thân những người này cũng đóng vai trò là người sử dụng các dịch vụ, hàng hóa nên họ cũng là những chủ thể giao kết các hợp đồng theo mẫu. Như vậy, nếu ngôn ngữ hợp đồng theo mẫu bằng tiếng việt sẽ cản trở và gây khó khăn cho việc tham gia giao kết hợp đồng của những đối tượng này.

Về nội dung của ngôn ngữ, cả LBVQLNTD 2010 và Nghị định 99/2011/NĐ-CP đều quy định rằng ngôn ngữ phải rõ ràng, dễ hiểu, tức là khi đọc ngôn ngữ trong hợp đồng thì bất kỳ ai cũng có thể hiểu và nắm bắt được. Tuy nhiên, đây là những quy định khá chung chung, mơ hồ và tùy thuộc vào từng hoàn cảnh cụ thể thì mới có thể đánh giá được là cách sử dụng ngôn ngữ như vậy có rõ ràng, dễ hiểu hay không. Do vậy, quy định này được hỗ trợ thêm bởi nội dung về giải thích hợp đồng tại khoản 2 Điều 405 BLDS, theo đó *"trường hợp hợp đồng theo mẫu có điều khoản không rõ ràng thì bên đưa ra hợp đồng theo mẫu phải chịu bất lợi khi giải*

thích điều khoản đó" và quy định tại Điều 15 LBVQLNTD 2010: *"Trong trường hợp hiểu khác nhau về nội dung hợp đồng thì tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tranh chấp giải thích theo hướng có lợi cho người tiêu dùng"*.

2.2.2.2. Kiểm soát nội dung hợp đồng theo mẫu

Kiểm soát nội dung là vấn đề cốt lõi của hầu hết các quy định liên quan đến kiểm soát hợp đồng theo mẫu. Đây cũng đồng thời là nội dung được các hệ thống pháp luật cũng như các học giả trên toàn thế giới tập trung nghiên cứu nhiều nhất vì lý do đây là một vấn đề vô cùng phức tạp, nhiều khía cạnh có thể nảy sinh trong quá trình xem xét, đánh giá nội dung hợp đồng xem liệu hợp đồng đó có tạo ra sự công bằng cho các chủ thể hay không. Nhìn chung, hệ thống pháp luật Việt Nam tiến hành kiểm soát nội dung của hợp đồng theo mẫu dưới hai góc độ, đó là quy định những nội dung phải có trong hợp đồng và những nội dung bị cấm trong hợp đồng.

Hiện nay, các quy định về những nội dung phải có trong hợp đồng theo mẫu được quy định tương đối chi tiết trong một số văn bản pháp luật chuyên ngành liên quan đến những loại hợp đồng cụ thể như khoản 1 Điều 13 của Luật kinh doanh bảo hiểm 2000 (sửa đổi năm 2010) quy định các nội dung phải có trong hợp đồng bảo hiểm hay Phụ lục số 1 của Thông tư 39/2016/TT-BTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông về hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung trong lĩnh vực viễn thông yêu cầu hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu phải có tối thiểu các nội dung nhất định.

Về tổng thể, việc kiểm soát các nội dung nhất định phải có trong một số hợp đồng nói chung và hợp đồng theo mẫu nói riêng là vô cùng cần thiết. Nếu mới nhìn qua thì tưởng chừng như việc kiểm soát này trở nên thừa thãi, can thiệp vào sự tự do ý chí của các chủ thể nhưng phân tích kỹ thì chúng ta sẽ thấy rằng mục đích cuối cùng của những quy định này là để bảo đảm thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ cung cấp thông tin của bên đưa ra hợp đồng cũng như phục vụ cho hoạt động bảo vệ quyền lợi cho bên còn lại. Các hợp đồng chuyên ngành có những quy định nêu trên hầu hết cũng là những hợp đồng thường xuyên áp dụng hợp đồng theo mẫu, do vậy nghĩa vụ cung cấp các thông tin còn trở nên quan trọng hơn do sự bất cân xứng về khả năng tiếp cận thông tin giữa các chủ thể. Do đó, việc yêu cầu các thông tin bắt buộc có trong những loại hợp đồng này là hoàn toàn hợp lý và mặc dù là một phương thức kiểm soát về nội dung nhưng thực chất chúng thậm chí lại có ý nghĩa cả về mặt thủ tục giao kết hợp đồng.

Bên cạnh phương thức kiểm soát bằng cách ghi nhận những vấn đề phải có trong nội dung hợp đồng, một phương thức kiểm soát nội dung khác còn được áp dụng đó là quy định những loại điều khoản bị cấm trong hợp đồng. Trong đó quy

định của BLDS 2015 đưa ra góc nhìn tổng quát bao gồm ba loại điều khoản nói chung không được sử dụng trong hợp đồng theo mẫu còn LBVQLNTD 2010 liệt kê ra một danh sách chi tiết các điều khoản cụ thể bị cấm áp dụng trong hợp đồng với người tiêu dùng.

Nói chung, dựa trên kinh nghiệm và bài học của các quốc gia phát triển liên quan đến hợp đồng theo mẫu như Liên minh Châu Âu, Đức hay Hàn Quốc, quy định kiểm soát nội dung luôn là một nội dung trọng tâm và nhận được nhiều sự chú ý của các nhà lập pháp cũng như học giả. Mô hình của các quốc gia mặc dù không hoàn toàn giống nhau nhưng vẫn có một số điểm tương đồng, đó là sự kết hợp giữa cả quy định chung và quy định cụ thể về các điều khoản bất công bằng. Trong đó, quy định chung đưa ra khái niệm cũng như dấu hiệu để nhận diện các điều khoản bất công bằng, còn quy định cụ thể sẽ liệt kê ra chi tiết các điều khoản bất công bằng trong thực tiễn. Điều này tạo ra một hệ thống kiểm soát nội dung đa tầng đan xen giữa quy định chung và quy định riêng, trong đó quy định riêng giúp chúng ta ngay lập tức nhận biết được điều khoản nào trong hợp đồng sẽ không có hiệu lực.

2.3. Xử lý vi phạm pháp luật về hợp đồng theo mẫu

Nói chung, các hành vi vi phạm pháp luật về hợp đồng theo mẫu là những hành vi tương đối đặc biệt khi chúng không chỉ được quy định trong các văn bản pháp luật dân sự mà còn cấu thành nên các vi phạm hành chính khi được quy định từ Điều 47 đến Điều 52 của Nghị định 98/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Có thể nhìn nhận các hành vi vi phạm về hợp đồng theo mẫu là hành vi nguy hiểm cho xã hội, phá vỡ trật tự xã hội mà Nhà nước thiết lập và đó là lý do tại những hành vi này được quy định trong cả văn bản xử phạt về vi phạm hành chính.

2.3.1. Xử lý vi phạm pháp luật về thủ tục giao kết, thực hiện hợp đồng theo mẫu

Chúng ta có thể nhận thấy một số vấn đề đó là các hành vi vi phạm mặc dù cùng về giao kết hợp đồng hợp đồng theo mẫu nhưng được quy định khá lộn xộn và rải rác trong nhiều điều luật khác nhau chứ không tập trung trong một điều luật. Hơn nữa, bản chất của ba hành vi đầu tiên thực ra đều có chung một nội dung liên quan đến không thực hiện nghĩa vụ cung cấp thông tin của bên đề nghị giao kết, trừ hành vi cuối cùng là thực hiện cung cấp, công khai thông tin không đúng quy định. Như vậy việc cả ba hành vi này chung một bản chất pháp lý nhưng lại được rải rác ra ba điều luật khác nhau khiến cho các quy định trở nên khó nắm bắt và không logic. Ngoài ra, các hành vi vi phạm này có tính chất tương tự nhau nhưng lại có ba mức xử phạt khác nhau mà khó có thể lý giải được nguyên nhân ngoại trừ việc

những hành vi đó nằm ở 3 điều luật khác nhau. Thêm vào đó, các hành vi này có thể dẫn đến những hậu quả pháp lý về dân sự nhất định, tùy thuộc vào việc đó là hợp đồng theo mẫu hay là điều kiện giao dịch chung.

2.3.2. Xử lý vi phạm pháp luật về hình thức hợp đồng theo mẫu

Các hành vi này bản chất cùng là những hành vi vi phạm về hình thức, chúng cũng được áp dụng chung một mức phạt cũng như cùng một biện pháp khắc phục hậu quả đó là buộc sửa đổi hợp đồng đối với hành vi vi phạm, tuy nhiên việc những hành vi này vẫn được xếp ở hai điều luật khác nhau là một hạn chế của các quy định pháp luật trong trường hợp này. Những hành vi có cùng bản chất vi phạm, tương đồng với nhau cần phải được xếp ở cùng một điều luật để bảo đảm sự thống nhất cũng như hợp lý khi xây dựng các quy định.

2.3.3. Xử lý vi phạm pháp luật về nội dung hợp đồng theo mẫu

Những hợp đồng theo mẫu giao kết mà có chứa những điều khoản không có hiệu lực, tức là vi phạm điều cấm tại khoản 3 Điều 405 BLDS 2015 hoặc khoản 1 Điều 16 LBVQLNTD 2010 sẽ gánh chịu mức phạt từ 20.000.000 – 30.000.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Nghị định 98/2020/NĐ-CP. Bên cạnh đó, bên đưa ra hợp đồng còn phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đó là buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do hành vi nêu trên. Tức là trong trường hợp hành vi đưa vào những điều khoản không có hiệu lực đó giúp cho bên đưa ra hợp đồng theo mẫu có được những lợi ích vật chất mà nhẽ ra họ sẽ không có nếu không đưa vào những điều khoản này thì họ sẽ phải trả lại các lợi ích vật chất nêu trên theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Ngoài ra, hậu quả pháp lý về mặt dân sự còn được áp dụng đó là hợp đồng sẽ bị vô hiệu về mặt nội dung do vi phạm điều cấm và đây là dạng vô hiệu tuyệt đối, không chịu ảnh hưởng bởi thời hiệu yêu cầu tuyên bố giao dịch vô hiệu.

2.3.4. Xử lý vi phạm pháp luật về đăng ký hợp đồng theo mẫu

Theo quy định tại khoản 2 Điều 49 Nghị định 98/2020/NĐ-CP, hành vi vi phạm đăng ký hợp đồng theo mẫu sẽ phải chịu mức phạt từ 30.000.000 – 50.000.000 đồng và gấp đôi số tiền trên nếu phạm vi áp dụng từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên, bao gồm những hành vi sau:

- Không đăng ký hoặc không đăng ký lại hợp đồng theo mẫu với cơ quan có thẩm quyền.

- Không thông báo cho người tiêu dùng về việc thay đổi hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo quy định.

- Không áp dụng đúng hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung đã đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo quy định.

CHƯƠNG 3
THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG THEO MẪU TẠI VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN

3.1. Thực tiễn thực hiện pháp luật về hợp đồng theo mẫu tại Việt Nam

3.1.1. Thực tiễn hoạt động kiểm soát hợp đồng theo mẫu của các cơ quan quản lý nhà nước

3.1.1.1. Đối với hoạt động đăng ký hợp đồng theo mẫu

Như vậy, chỉ riêng số lượng tiếp nhận hồ sơ theo mẫu đăng ký giữa các cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương và địa phương đã cho thấy một sự chênh lệch vô cùng lớn khi số lượng của Cục nhiều gấp vài trăm lần trung bình số lượng tiếp nhận của mỗi Sở. Nhiều trường hợp doanh nghiệp trong lĩnh vực mua bán chung cư mặc dù chỉ triển khai hoạt động trên một tỉnh hoặc thành phố và hoàn toàn có thể đăng ký tại Sở Công thương nhưng do Sở chưa triển khai thủ tục này nên đành phải đăng ký tại Cục CT & BVNTD. Hơn nữa, còn diễn ra nhiều trường hợp Sở và Cục còn mâu thuẫn với nhau về những nội dung nhất định trong hồ sơ đăng ký, có khi bị Cục từ chối hồ sơ nhưng lại được Sở chấp nhận. Điều này dẫn đến thực trạng là tỉ lệ phê duyệt hồ sơ đăng ký lại có sự chênh lệch theo hướng ngược lại khi tỉ lệ chấp nhận của các cơ quan địa phương trung bình cao gấp 2 – 3 lần tỉ lệ của cơ quan Trung ương, nhưng thực tế vẫn còn phát hiện ra rất nhiều các điều khoản chưa tuân thủ quy định của pháp luật mặc dù hồ sơ đăng ký đã được Sở công thương phê duyệt.

3.1.1.2. Đối với hoạt động thanh kiểm tra về việc thực hiện hợp đồng theo mẫu

Nhìn chung, theo thực tế triển khai ở cả Cục CT & BVNTD cũng như các Sở công thương tại địa phương, hoạt động quản lý nhà nước về hợp đồng theo mẫu chủ yếu được thực hiện đối với các doanh nghiệp thuộc nhóm phải đăng ký hợp đồng theo mẫu thông qua việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký, còn lại việc kiểm soát đối với nhóm không bắt buộc phải đăng ký để phát hiện các vi phạm chưa thực sự được chú trọng.

3.1.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về hợp đồng theo mẫu của các doanh nghiệp cung cấp hàng hóa, dịch vụ

Nói chung, hoạt động áp dụng pháp luật về hợp đồng theo mẫu được thực hiện bởi các doanh nghiệp cung cấp hàng hóa, dịch vụ tại rất nhiều lĩnh vực khác nhau. Trong quá trình triển khai, mặc dù mỗi lĩnh vực các doanh nghiệp sẽ có những cách thức soạn thảo, xây dựng nội dung khác nhau cho phù hợp với đặc thù của từng lĩnh vực, tuy nhiên điểm chung của nhiều doanh nghiệp là vẫn còn tồn tại rất nhiều các vi phạm các quy định pháp luật về hợp đồng theo mẫu.

3.1.3. Thực tiễn giải quyết tranh chấp về hợp đồng theo mẫu của tòa án

Cần phải nhận thức được rằng hợp đồng theo mẫu không phải là một loại hợp đồng cụ thể mà đơn giản chỉ là một phương thức giao kết đặc biệt của hợp đồng. Do đó, hợp đồng theo mẫu có thể là bất kỳ loại hợp đồng nào trong số các hợp đồng thông dụng, như hợp đồng mua bán, hợp đồng vay, hợp đồng dịch vụ… vì thế, các tranh chấp liên quan đến hợp đồng theo mẫu không mang tính đặc thù mà có xu hướng hòa lẫn vào những tranh chấp hợp đồng thông thường.

3.1.4. Đánh giá chung về tình hình thực tiễn thực hiện pháp luật về hợp đồng theo mẫu tại Việt Nam

Về tổng thể, dựa trên các số liệu phản ánh hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình kiểm soát hợp đồng theo mẫu cũng như phân tích thực trạng các vi phạm về hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung của một số doanh nghiệp tiêu biểu và hoạt động giải quyết tranh chấp của Tòa án, chúng ta có thể rút ra nhận xét rằng mức độ tuân thủ trong các hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung của nhiều doanh nghiệp là chưa cao khi phần lớn có chứa đựng các điều khoản xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của khách hàng. Nhiều quy định có nội dung mập mờ, không rõ ràng, đặc biệt liên quan đến quyền và nghĩa vụ của các bên.

3.2. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật và giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp đồng theo mẫu

3.2.1. Kiến nghị hoàn thiện các quy định của BLDS 2015 về hợp đồng theo mẫu

3.2.1.1. Hoàn thiện cấu trúc tổng thể

Theo quan điểm của NCS thì hai điều luật 405 và 406 của BLDS 2015 có thể ghép vào nhau thành một điều luật duy nhất, đồng thời để thuận tiện cho việc điều luật đó có thể điều chỉnh được cho cả hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung thì chúng ta nên thay đổi tên điều luật thành "Điều khoản theo mẫu" chứ không nên để là hợp đồng theo mẫu hoặc điều kiện giao dịch chung.

Đồng thời cần thiết phải sắp xếp lại cấu trúc của điều luật bao gồm bốn khoản tương ứng với bốn vấn đề: *khái niệm, giao kết, hình thức* và *nội dung*. Đây chính là các vấn đề trọng tâm nhất, cơ bản nhất và là những điểm khác biệt nhất của hợp đồng theo mẫu so với những hợp đồng thông thường khác.

3.2.1.2. Hoàn thiện về khái niệm hợp đồng theo mẫu

NCS kiến nghị kết hợp hai thuật ngữ hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung thành điều khoản theo mẫu, và đưa ra khái niệm điều khoản theo mẫu như sau:

"1. Điều khoản theo mẫu là những điều khoản trong hợp đồng hoặc các văn bản khác thuộc về nội dung hợp đồng, được đưa ra bởi một bên chiếm ưu thế trong

thương lượng (thường là bên cung cấp hàng hóa, dịch vụ) để giao kết với bên còn lại (thường là người tiêu dùng); bên được đề nghị chỉ có thể chấp nhận toàn bộ nội dung điều khoản hoặc từ chối giao kết hợp đồng".

3.2.1.3. Hoàn thiện về giao kết hợp đồng theo mẫu

NCS đề xuất kiến nghị về giao kết hợp đồng theo mẫu trong BLDS 2015 như sau:

"2. Bên đưa ra các điều khoản theo mẫu phải tuân thủ các nghĩa vụ trong quá trình giao kết hợp đồng sau đây:

a) Công khai trên các trang thông tin điện tử và địa điểm giao dịch để bên được đề nghị biết hoặc phải biết về những nội dung của hợp đồng;

b) Hướng dẫn cho bên được đề nghị hiểu về những nội dung quan trọng của hợp đồng liên quan đến các điều khoản theo mẫu và sử dụng các cách thức để bên đó chú ý và nhận ra những nội dung này;

c) Dành một khoảng thời gian hợp lý để bên được đề nghị nghiên cứu về nội dung hợp đồng".

3.2.1.4. Hoàn thiện về hình thức hợp đồng theo mẫu

NCS kiến nghị về hình thức của hợp đồng theo mẫu trong BLDS 2015 như dưới đây:

"3. Hình thức của các điều khoản theo mẫu phải bằng văn bản.

Ngôn ngữ của các điều khoản theo mẫu có thể bằng tiếng Việt hoặc một thứ tiếng khác nhưng phải rõ ràng, dễ hiểu. Trường hợp điều khoản theo mẫu không rõ ràng thì bên đưa ra các điều khoản phải chịu bất lợi khi giải thích điều khoản đó.

Cỡ chữ, màu sắc, nền giấy, hình nền của các điều khoản theo mẫu phải bảo đảm thuận lợi cho việc đọc và nghiên cứu nội dung cho bên được đề nghị".

3.2.1.5. Hoàn thiện về nội dung hợp đồng theo mẫu

NCS đưa ra kiến nghị sửa đổi về nội dung của hợp đồng theo mẫu trong khoản 3 Điều 405 BLDS 2015 như sau:

"4. Hợp đồng có chứa đựng các điều khoản theo mẫu bất công bằng thì các điều khoản đó sẽ không có hiệu lực. Điều khoản mẫu bất công bằng là điều khoản có nội dung trái với các nguyên tắc cơ bản tại Điều 3 Bộ luật này, tạo ra sự mất cân bằng nghiêm trọng về quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng và gây ra bất lợi cho bên được đề nghị.

Điều khoản do các bên thỏa thuận trong hợp đồng sẽ được ưu tiên áp dụng trong trường hợp có mâu thuẫn với điều khoản theo mẫu".

3.2.2. Kiến nghị hoàn thiện các quy định của LBVQLNTD 2010 và các văn bản pháp luật khác về hợp đồng theo mẫu

NCS kiến nghị khoản 1 Điều 16 LBVQLNTD 2010 cần điều chỉnh điều khoản tại điểm i để bảo đảm sự chính xác về nội dung như sau: *"Cho phép tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chuyển giao quyền, nghĩa vụ cho bên thứ ba nếu việc chuyển giao này có khả năng gây bất lợi cho người tiêu dùng, trừ trường hợp người tiêu dùng đồng ý".*

Bên cạnh LBVQLNTD 2010, NCS thấy rằng còn một vấn đề nữa nằm trong văn bản khác cần phải điều chỉnh, đó là hoạt động liên quan đến danh mục hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng theo mẫu theo Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg. NCS đưa ra quan điểm để kiến nghị về vấn đề này, đó là nên loại bỏ quy định bắt buộc các loại hàng hóa, dịch vụ nhất định phải tiến hành đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.

3.2.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp đồng theo mẫu

Thứ nhất, giải pháp đối với bên đưa ra hợp đồng theo mẫu. NCS kiến nghị điều chỉnh mức phạt và một số biện pháp bổ sung của các hành vi vi phạm về hợp đồng theo mẫu trong Nghị định 98/2020/NĐ-CP theo hướng gia tăng. Bên cạnh việc xử phạt hành chính, các giải pháp xử lý về hậu quả của hợp đồng theo mẫu vi phạm cũng là vô cùng quan trọng. Trong đó, sửa đổi hợp đồng sẽ là giải pháp được ưu tiên sử dụng trong các trường hợp xảy ra các vi phạm về hình thức và nội dung của hợp đồng theo mẫu.

Thứ hai, giải pháp đối với cơ quan quản lý nhà nước về hợp đồng theo mẫu. Nhìn chung, quan điểm của NCS đó là cần phải tăng cường các hoạt động mang tính chất hậu kiểm và giảm dần các hoạt động tiền kiểm. Do vậy mấu chốt đối với các cơ quan quản lý nhà nước đó là phải tăng cường các hoạt động thanh tra, giám sát tình hình thực hiện hợp đồng theo mẫu của các doanh nghiệp.

KẾT LUẬN CHUNG

Hợp đồng theo mẫu là một trong những loại hợp đồng được áp dụng phổ biến nhất trong thực tế đời sống kinh tế xã hội, do đó việc quy định pháp luật điều chỉnh về hợp đồng theo mẫu như thế nào sẽ có tác động rất lớn tới nền kinh tế. Thông qua việc nghiên cứu đề tài "Hợp đồng theo mẫu theo quy định của pháp luật dân sự Việt Nam", NCS rút ra những kết luận cơ bản như sau:

Thứ nhất, trong Chương 1, NCS đã nghiên cứu cơ sở lý luận về hợp đồng theo mẫu. Các kết quả nghiên cứu này bao gồm:

Một là, khái niệm hợp đồng theo mẫu nhìn chung được tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau, có thể từ khía cạnh của việc giao kết hợp đồng hoặc khía cạnh chủ thể, cụ thể là người tiêu dùng. Tuy nhiên, khi xem xét dưới góc độ pháp luật dân sự thì hợp đồng theo mẫu được nhìn nhận chủ yếu từ việc giao kết hợp đồng.

Hai là, đặc điểm pháp lý của hợp đồng theo mẫu được thể hiện qua sự chiếm ưu thế về vị thế thương lượng của một bên, nội dung hợp đồng được sử dụng nhiều lần, đồng thời các chủ thể tham gia chủ yếu là các doanh nghiệp cung cấp hàng hóa, dịch vụ và người tiêu dùng. Đây là những đặc điểm khác biệt của hợp đồng theo mẫu so với những hợp đồng dân sự khác.

Ba là, các học thuyết công bằng về nội dung và công bằng về thủ tục là những học thuyết quan trọng, là cơ sở để xây dựng các vấn đề về kiểm soát hợp đồng theo mẫu sau này.

Bốn là, hợp đồng theo mẫu cùng với hai thuật ngữ điều khoản theo mẫu và điều kiện giao dịch chung có khá nhiều sự tương đồng với nhau, chủ yếu khác biệt về quy mô và hình thức thể hiện, do vậy có thể thay thế cho nhau trong một số trường hợp.

Thứ hai, trong Chương 2, NCS đã nghiên cứu thực trạng pháp luật của hợp đồng theo mẫu và đưa ra các kết quả như sau:

Một là, hợp đồng theo mẫu có những đặc thù riêng khi nhìn từ góc độ giao kết hợp đồng, được thể hiện qua các yếu tố về chủ thể giao kết, nguyên tắc giao kết và trình tự giao kết. Trong đó đặc biệt liên quan đến trình tự giao kết thì các quy định pháp luật Việt Nam còn khá thiếu sót khi chưa quy định một nghĩa vụ cần thiết mà bên đưa ra hợp đồng cần phải làm với bên còn lại, đó là giải thích, hướng dẫn các nội dung quan trọng của hợp đồng.

Hai là, liên quan đến kiểm soát hợp đồng theo mẫu, nếu nhìn từ phương thức kiểm soát thì chúng ta có phương thức tiền kiểm và hậu kiểm. Trong đó phương thức tiền kiểm được thể hiện chủ yếu thông qua hoạt động bắt buộc đăng ký hợp

đồng theo mẫu trong một số lĩnh vực nhất định, còn phương thức hậu kiểm thể hiện qua các hoạt động thanh kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về hợp đồng theo mẫu. Còn về góc độ phạm vi kiểm soát, NCS cho rằng bao gồm kiểm soát về hình thức và kiểm soát nội dung. Kiểm soát về hình thức nghĩa là đưa ra các quy định về ngôn ngữ, cỡ chữ, nền giấy, màu sắc trong khi kiểm soát về nội dung thì cần thiết phải đưa ra được khái niệm điều khoản bất công bằng, vốn là vấn đề pháp luật Việt Nam chưa ghi nhận.

Ba là, về việc xử lý vi phạm pháp luật đối với hợp đồng theo mẫu, các quy định về xử phạt vi phạm hành chính cũng như các biện pháp xử lý hậu quả về mặt dân sự, nhìn chung vẫn còn khá lộn xộn, chưa được hệ thống hóa rõ ràng cũng như chưa phù hợp với từng loại vi phạm.

Thứ ba, với Chương 3, NCS nêu ra thực trạng thực hiện pháp luật hiện hành và đưa ra các kiến nghị sửa đổi với pháp luật về hợp đồng theo mẫu, cụ thể:

Một là, hiện nay hệ thống các quy định pháp luật về hợp đồng theo mẫu còn khá mâu thuẫn, chồng chéo và chưa đầy đủ, đặc biệt là giữa BLDS 2015 và LBVQLNTD 2010. Trong khi đó việc thực hiện các quy định này của các chủ thể còn tồn tại rất nhiều vấn đề, khi các doanh nghiệp cung cấp hàng hóa, dịch vụ thì mức độ tuân thủ chưa cao khi còn nhiều vi phạm về hình thức và nội dung hợp đồng. Còn với người tiêu dùng thì chưa thực sự quan tâm đến quyền lợi của mình và bản thân họ cũng chỉ coi việc ký hợp đồng là thủ tục để sử dụng các hàng hóa, dịch vụ nhất định.

Hai là, về các kiến nghị hoàn thiện pháp luật, NCS đưa ra đề xuất phải lấy BLDS làm trung tâm, tức là tái cấu trúc lại toàn bộ quy định tại Điều 405 và 406 BLDS 2015 vì lý do cần phải nhìn nhận hợp đồng theo mẫu một cách tổng quát hơn chứ không chỉ nhìn ở góc độ người tiêu dùng. Do vậy, một luật chuyên ngành như LBVQLNTD sẽ chỉ đóng vai trò bổ trợ và cụ thể hóa các quy định trong BLDS chứ không phải đóng vai trò quy định chủ đạo như hiện nay.